

Số: ~~38.7~~../TB-ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày ~~04~~..tháng ~~5~~..năm 2018

THÔNG BÁO TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2018

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; Trường Đại học Lao động - Xã hội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2018 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu (Dự kiến)
Quản trị nhân lực	9 34 04 04	6

II. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO

2.1 Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) tương đương 3 năm học tập trung liên tục đối với người có bằng thạc sĩ.

2.2 Địa điểm đào tạo: Tại Trường Đại học Lao động – Xã hội, số 43 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

III. HÌNH THỨC TUYỂN SINH: xét tuyển

IV. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

4.1. Người dự tuyển phải có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Cụ thể:

- Chuyên ngành đúng: Quản trị nhân lực.
- Chuyên ngành phù hợp: chuyên ngành có chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ khác chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực của Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức chuyên ngành.
- Chuyên ngành gần: Chính sách công, Quản lý công, Hệ thống thông tin quản lý, Quản lý kinh tế, Kinh tế lao động và Quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có chương trình đào tạo ở trình độ thạc sĩ khác chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức chuyên ngành.

4.2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

4.3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho

người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập không phải là tiếng Anh; hoặc có bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (*qui định tại Phụ lục I*) do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4.4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

V. HỒ SƠ DỰ TUYỂN

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm có:

5.1. Đơn xin dự tuyển: có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (*đối với người đã có việc làm*), chính quyền địa phương nơi cư trú (*đối với người chưa có việc làm*): 01 bản chính (*Theo mẫu 1*).

5.2. Lý lịch khoa học: 01 bản chính và 07 bản photo (*Theo mẫu 2*).

5.3. Sơ yếu lý lịch tự thuật (*có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự đối với người đã có việc làm*), chính quyền địa phương nơi cư trú (*nếu là người chưa có việc làm*): 01 bản chính (*Theo mẫu 3*).

5.4. Văn bằng, chứng chỉ: Bản sao có chứng thực

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học: 01 bản công chứng và 07 bản photo;
- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ: 01 bản công chứng và 07 bản photo;
- Bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ: 01 bản công chứng và 07 bản photo.

Bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng sang tiếng Việt và có văn bản xác nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. (*Thông tin về quy trình đăng ký công nhận bằng do cơ sở nước ngoài cấp xem tại website: <http://cnvb.deta.edu.vn/>*).

5.5. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: 08 tập bản sao các bài báo hoặc báo cáo (*theo quy định tại mục 4.2*) và công trình nghiên cứu khoa học đã công bố của người dự tuyển (nếu có) để cộng điểm thưởng, đóng thành tập, có bản kê khai danh mục ở sau trang bìa lót (*Theo mẫu 4*), trong đó:

- Đối với bài báo, báo cáo: sao chụp trang bìa (trang bìa đầu và trang bìa cuối), trang mục lục và nội dung bài báo, báo cáo. 8

- Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: sao chụp Quyết định/Hợp đồng giao đề tài nghiên cứu, Biên bản **nghiệm thu đề tài và Bản tóm tắt nội dung nghiên cứu**.

5.6. Đề cương nghiên cứu: 01 bản chính và 07 bản photo (Theo mẫu 5).

Ghi chú: Danh mục các hướng nghiên cứu, danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh, số lượng nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận xem tại Phụ lục II của Thông báo này.

5.7. Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu: 01 bản chính và 07 bản photo (Theo mẫu 6).

5.8. Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức) (Theo mẫu 7).

5.9. Văn bản đồng ý cho đồng tác giả sử dụng bài báo khoa học (nếu có): 01 bản chính và 07 bản photo (Theo mẫu 8).

5.10. Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định: 01 bản chính (Theo mẫu 9).

5.11. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của các cơ sở y tế có thẩm quyền (trong vòng 6 tháng): 01 bản chính.

5.12. Phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên hệ của thí sinh: 02 cái.

5.13. Ảnh 3x4 nền trắng (Ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh sau ảnh): 03 ảnh.

VI. KẾ HOẠCH TUYỂN SINH

6.1. Thời gian và địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- Thời gian phát hành hồ sơ: Từ 10/5/2018 trong giờ hành chính (trừ các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết).

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ 9/7/2018 – 10/10/2018, trong giờ hành chính (trừ các ngày thứ Bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ Lễ, Tết).

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Khoa Sau đại học, phòng 402, tầng 4, nhà A, Trường Đại học Lao động – Xã hội, số 43, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

6.2. Thời gian và địa điểm xét tuyển

- Thời gian xét tuyển (dự kiến): vào các ngày 01,02/11/2018.

- Địa điểm xét tuyển: tại Trường Đại học Lao động – Xã hội, số 43, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

6.3. Thời gian công bố kết quả xét tuyển và nhập học

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển (dự kiến): 11/2018.

- Thời gian nhập học (dự kiến): tháng 12/2018. 8

6.4. Hình thức gửi thông tin: Thông báo dự tuyển và nhập học (nếu trúng tuyển) được gửi cho thí sinh qua email và qua đường bưu điện theo địa chỉ thí sinh đăng ký trong hồ sơ.

VII. LỆ PHÍ TUYỂN SINH

7.1. Lệ phí đăng ký dự thi: 60.000đ/hồ sơ.

7.2. Lệ phí dự tuyển: 200.000 đồng/hồ sơ.

VIII. LIÊN HỆ

Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Khoa Sau đại học, phòng 402, tầng 4, nhà A, Trường Đại học Lao động – Xã hội, số 43, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
Điện thoại: 024.3556.0412. E-mail: phd.ulsa@gmail.com.

Chi tiết xem tại website: <http://www.ulsa.edu.vn>

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Sở Nội vụ;
- Các Sở LĐTB&XH;
- Các Bộ, ban, ngành Trung ương;
- Các Trường đại học, cao đẳng, Học viện, Viện nghiên cứu;
- Các đơn vị trong Trường;
- Website Trường;
- Lưu: VT, K.SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Phụ lục I

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

(Kèm theo Thông báo số: **987** /TB-ĐHLĐXH ngày **04 / 05 /2018**
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

Stt	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 6
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ DANH SÁCH
CÁC NHÀ KHOA HỌC CÓ THỂ HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH
(Kèm theo Thông báo số: 987 /TB-ĐHLĐXH ngày 04 / 05 /2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội)

TT	Hướng nghiên cứu	Số nghiên cứu sinh có thể tiếp nhận
1	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực; Vốn nhân lực; Chất lượng nguồn nhân lực; Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong tổ chức; Quản lý nguồn nhân lực trong khu vực công; Chiến lược thu hút nhân tài; Đào tạo nghề ...	6
2	Thị trường lao động và việc làm: Phát triển thị trường lao động; Việc làm và thất nghiệp; Chuyển dịch cơ cấu lao động; Nâng cao năng suất lao động; Dân số và kinh tế; Dân số và các vấn đề xã hội...	
3	Tiền lương, quan hệ lao động: Công tác tổ chức tiền lương; Tiền lương trong doanh nghiệp; Tiền lương trong khu vực công; Cơ chế quản lý tiền lương và thu nhập; Quản trị thù lao lao động; Quan hệ lao động; Văn hóa tổ chức...	
4	Tổ chức và bộ máy quản lý: Tổ chức và định mức lao động; Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý; Quản lý sự thay đổi và phát triển trong tổ chức; Hành vi cá nhân, hành vi tổ chức...	
5	Quản lý thực hiện công việc và động lực lao động: Quản lý thực hiện công việc; Hệ thống đánh giá thực hiện công việc; Quản trị dựa trên khung năng lực; Động lực trong lao động; Nâng cao năng suất lao động trong tổ chức, doanh nghiệp...	
6	Tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh lao động: Tiêu chuẩn lao động; An toàn vệ sinh lao động, Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp...	

Danh sách các nhà khoa học có thể hướng dẫn nghiên cứu sinh:

1. PGS.TS. Lê Thanh Hà (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
2. TS. Bùi Tôn Hiến (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
3. TS. Nguyễn Thị Minh Hòa (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
4. TS. Doãn Thị Mai Hương (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
5. TS. Vũ Hồng Phong (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
6. TS. Đỗ Thị Tươi (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
7. TS. Lương Xuân Dương (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
8. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
9. TS. Hoàng Thanh Tùng (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
10. TS. Nguyễn Thị Hồng (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
11. TS. Đoàn Thị Yến (Trường Đại học Lao động - Xã hội)
12. PGS.TS. Lê Quân (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
13. TS. Bùi Sĩ Lợi (Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội)
14. TS. Doãn Mậu Diệp (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
15. PGS.TS. Nguyễn Bá Ngọc (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
16. TS. Trần Ngọc Diễn (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

17. PGS.TS. Cao Văn Sâm (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
18. TS. **Nguyễn Hồng Minh** (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
19. PGS. TS. Mạc Văn Tiến (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
20. TS. Đào Quang Vinh (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)
21. PGS.TS. Nguyễn Vĩnh Thanh (Học viện CT KV I)
22. PGS TS. Hoàng Văn Hoan (Học viện CT KV I)
23. PGS TS. Bùi Văn Huyền (Học viện CTQG HCM)
24. TS. Lưu Thái Bình (Học viện CT KV I)
25. PGS.TS. Trần Công Sách (Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương)
26. TS. Ngô Quỳnh An, (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
27. PGS. TS. Vũ Thị Mai (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
28. PGS.TS. Vũ Hoàng Ngân (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
29. PGS.TS. Nguyễn Nam Phương (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
30. PGS.TS. Phạm Thúy Hương (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
31. PGS.TS. Trần Xuân Cầu (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
32. PGS.TS. Mai Quốc Chánh (Nguyên giảng viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
33. TS. Vũ Thị Uyên (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
34. PGS.TSKH. Nguyễn Viết Vượng (Trường Đại học Công đoàn)
35. TS. Nguyễn Đức Tĩnh (Trường Đại học Công đoàn)
36. PGS.TS. Vũ Quang Thọ (Viện Công nhân công đoàn)
37. PGS.TS. Ngô Xuân Bình (Học Viện Khoa học xã hội)
38. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long (Trường Đại học Thương mại)
39. PGS. TS. Phạm Công Đoàn (Trường Đại học Thương mại)
40. PGS.TS. Nguyễn Thị Bích Loan (Trường Đại học Thương mại)
41. PGS.TS. Nguyễn Thị Minh Nhân (Trường Đại học Thương mại)
42. PGS.TS. Mai Thanh Lan (Trường Đại học Thương mại)
43. PGS.TS. Trần Thị Thu (Trường Đại học Đại Nam)



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hà Xuân Hùng

